

Số ~~270~~ /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~25~~ tháng ~~11~~ năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Vui Thị Tào (chồng Vui Văn Cang) - Cư trú tại bản Tả Sin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 372.360.720 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

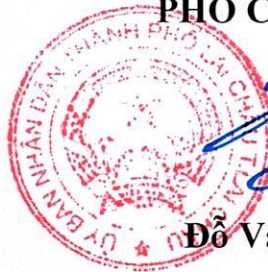
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Vùi Thị Tào (chồng Vùi Văn Cang) có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

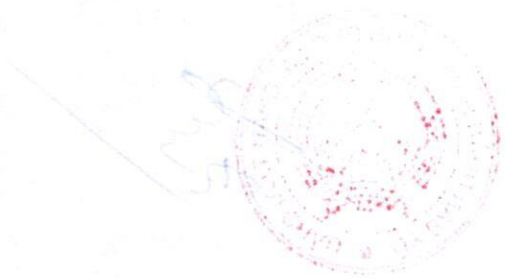
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 270QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
8	Hộ gia đình bà Vui Thị Tào (chồng Vui Văn Cang)					
	Địa chỉ: bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				372.360.720	
a	Về đất				62.752.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.696			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	1.696	37.000	62.752.000	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 211; 251; 277; 278; 279; 280; 340; 341; 342 TBD 112 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC/466 767 do UBND thành phố cấp ngày 5/11/2012. Thửa đất số 396; 397; 400; 401; 402; 403; 470; 472 TBD 112 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BC 466768 do UBND thành phố cấp ngày 5/11/2012.</p> <p>Thửa đất số 514; 517; 518; 1035 từ BD 112 được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BC466 769 cấp ngày 5/11/2012 UBND thành phố cấp ngày 5/11/2012.</p> <p>Phần diện tích chồng lấn thửa đất số 1033 TBD 112 đang quy chủ đất SON và chồng lấn thửa đất số 399; 468;469 đang quy đất BSC là do sai số giữa các lần đo đạc. Thực tế do gia đình bà Vui Thị Tào sử dụng ổn định không tranh chấp và có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.</p> <p>Thửa đất 1050 chồng lấn thửa 461, loại đất LUK, cấp GCN cho hộ ông Nguyễn Văn Nguyễn (vợ bà Phạm Thị Mùi) là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ bà Tào đang sử dụng, loại đất: LUK; Thực tế do gia đình bà Vui Thị Tào sử dụng ổn định không tranh chấp và có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.</p> <p>Thửa đất 1061 chồng lấn thửa 580, tờ bản đồ địa chính 112, loại đất BHK quy chủ cho hộ gia đình ông Trần Văn Nhung (vợ Vàng Thị Thủy) là do sai số giữa các lần đo đạc, thực tế hộ bà Vui Thị Tào đang sử dụng, loại đất: LUK. Thực tế do gia đình bà Vui Thị Tào sử dụng ổn định không tranh chấp và có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.</p> <p>+ Thửa đất 1065 chồng lấn thửa 580, TBD 112 loại đất quy chủ cho ông Trần Văn Nhung, là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ bà Tào đang sử dụng, loại đất: LUK. Thực tế do gia đình bà Vui Thị Tào sử dụng ổn định không tranh chấp và có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.</p>					
b	Tài sản vật kiến trúc				46.150.720	
b1	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xây (2*0,5*90) kè suối	m ³	90,0	392.700	35.343.000	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
b2	<i>Tài sản tạo lập năm 2013 phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
2	Sân cải tạo ruộng tính bằng Ao đào không phân biệt cấp đất (1,5*232,2 m ²)	m ³	348,3	29.150	10.152.945	
3	Kè đá xây (5*0,5*0,6)	m ³	1,5	196.350	294.525	
4	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	5,0	72.050	360.250	
c	Cây trồng, vật nuôi				12.450.000	
1	Sản lượng lúa 1400m ² : 5,6 tấn/ha/năm	kg	784,0	9.000	7.056.000	
2	Cây tre đường kính từ 5-10 cm (01 khóm trồng giáp bờ suối)	Cây	15,0	30.000	450.000	
3	Cây tre đường kính > 10cm (01 khóm trồng giáp bờ suối)	Cây	81,0	48.000	3.888.000	
4	Cây chuối cao trên 1,2 m (trồng trên bờ ruộng)	Cây	14,0	24.000	336.000	
5	Cây chuối có buồng (20kg/buồng*6 cây) (trồng giáp bờ suối)	đồng/kg	120,0	6.000	720.000	
d	Chính sách hỗ trợ				251.008.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m ²	1.696	148.000	251.008.000	

